TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI
Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08/9/2023.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Triệu Vĩnh Thái.
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Hoàng Văn Thứ.
- Bà Vũ Thị Vẻ.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2023/TLST-HNGĐ ngày 12/4/2023 về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Triệu Thị G, Sinh năm 1990.
Nơi ĐKNKTT: Thôn L, xã N, huyện V, tỉnh L.
Nơi ở: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh L - Có đơn đề nghị vắng mặt.

- ***Bị đơn***: Anh Triệu Ồng C, sinh năm 1995.
Nơi cư trú: Thôn L, xã N, huyện V, tỉnh L - Vắng mặt không có lý do.

Người làm chứng: Ông Triệu Văn Đ - Trưởng thôn L - Vắng mặt.
Nơi cư trú: Thôn L, xã N, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Triệu Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Triệu Ồng C tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện V, tỉnh L vào ngày 02/11/2015. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và tính cách, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh Triệu Ồng C thường xuyên chửi mắng, xúc phạm chị và đuổi chị đi khỏi nhà. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là vào tháng 8/2019 vợ chồng tiếp tục cãi nhau, chị đã bỏ về nhà bố mẹ

đẻ ở thôn T, xã T, huyện V sinh sống và ly thân nhau từ đó đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã được 02 bên gia đình nội, ngoại hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Ồng C.

Về con chung: Chị và anh Triệu Ồng C có 01 con chung là cháu Triệu Nguyên L, sinh ngày 14/02/2017. Hiện nay cháu đang sống cùng anh Triệu Ồng C. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Triệu Ồng C tiếp tục trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Nguyên L đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do hiện nay điều kiện kinh tế của chị G rất khó khăn, chị đang phải nuôi 02 con riêng của chị với người chồng cũ là anh Triệu Văn L, sinh năm 1989 (đã chết), đó là các cháu: Triệu Văn M, sinh ngày 21/12/2008 và cháu Triệu Hồng T, sinh ngày 17/02/2010, do các cháu là con riêng của chị nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản: Vợ chồng chưa có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn anh Triệu Ồng C:

Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Triệu Ồng C nhưng anh Triệu Ồng C từ chối nhận các văn bản và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị G; không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ủy ban nhân dân xã N; trưởng thôn L, xã N xác định: Về quan hệ hôn nhân, con chung và mâu thuẫn vợ chồng như lời trình bày của chị Triệu Thị G là đúng.

Ngày 29/7/2023, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đối với nguyên đơn chị Triệu Thị G có mặt, bị đơn anh Triệu Ồng C vắng mặt không có lý do. Chị Triệu Thị G có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn mở phiên tòa để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên Tòa:

- Nguyên đơn chị Triệu Thị G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Bị đơn Anh Triệu Ồng C vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo pháp luật tố tụng Dân sự.

* Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Các Điều 228, 229, 238 và Khoản 4

Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Triệu Thị G được ly hôn với anh Triệu Ồng C.

- Về quan hệ con chung: Giao cháu Triệu Nguyên L, sinh ngày 14/02/2017 cho anh Triệu Ồng C trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi, Chị Triệu Thị G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí: Chị Triệu Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo chị Triệu Thị G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn với anh Triệu Ồng C, sinh năm 1995, nơi cư trú: Thôn L, xã N, huyện V, tỉnh L. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai và quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".*

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị đơn anh Triệu Ồng C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; người làm chứng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Triệu Thị G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của nguyên đơn chị Triệu Thị G, người làm chứng, kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã N có đủ căn cứ xác định:

Chị Triệu Thị G và anh Triệu Ồng C tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện V, tỉnh L vào ngày 02/11/2015, hôn nhân là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và tính cách, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh Triệu Ồng C thường xuyên chửi mắng, xúc phạm chị và đuổi chị đi khỏi nhà. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là vào tháng 8/2019 vợ chồng cãi nhau, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã T, huyện V sinh sống và ly thân nhau từ đó đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã được 02 bên gia đình nội, ngoại hòa giải nhiều lần nhưng không thành.

Đối với anh Triệu Ồng C: Quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị G, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do phía

nguyên đơn chị Triệu Thị G, lời khai của người làm chứng; xác minh tại chính quyền địa phương để giải quyết vụ án.

Từ những phân tích trên có đủ căn cứ xác định vợ chồng chị G, anh C không có tiếng nói chung trong hôn nhân, thời gian sống ly thân đã lâu, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Triệu Thị G về việc ly hôn anh Triệu Ồng C.

[3] Về con: Chị Triệu Thị G và anh Triệu Ồng C có 01 con chung là cháu Triệu Nguyên L, sinh ngày 14/02/2017, từ khi vợ chồng sống ly thân nhau tháng 8/2019 chị G bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã T sinh sống, anh C là người trực tiếp nuôi cháu L. Xét thấy, anh C là lao động tự do tại xã N, huyện V, công việc chủ yếu là trồng trọt, chăn nuôi và đi làm thuê thu nhập hàng tháng khoảng 5.000.000đ - 6.000.000đ, từ khi chị G bỏ đi thì anh C vẫn nuôi dạy cháu L đảm bảo đầy đủ các điều kiện ăn, ở, học hành cho cháu. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, không làm xáo trộn cuộc sống của cháu L và phù hợp với nguyện vọng của đương sự cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Triệu Thị G, tiếp tục giao cháu Triệu Nguyên L cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị G không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp, đúng pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Triệu Thị G phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Triệu Thị G:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị G được ly hôn với anh Triệu Ồng C.

- Về con chung: Anh Triệu Ồng C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Nguyên L, sinh ngày 14/02/2017 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Triệu Thị G không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Triệu Nguyên L.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Chị Triệu Thị G phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai ký hiệu AC-21P số 0004444 ngày 06/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Triệu Thị G đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Triệu Ồng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- UBND xã N;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- Lưu HS, LĐ, TP, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Vĩnh Thái